

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Đúng tuyển	Đúng tuyển	Đúng tuyển	Đúng tuyển	Đúng tuyển
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn.	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	259	320	221	120	143
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	259	320	221	120	143

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1178	278	252	316	217	115
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1178	278	252	316	217	115
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	<i>Tốt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		82.78	51.88	73.45	50.83	73.43
2	<i>Đạt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		16.75	42.5	24.86	40	25.87
3	<i>Cần cố gắng</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		0	3.44	1.69	9.17	0.7
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành tốt</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		50	53,84	50,96	20	30,2
2	<i>Hoàn thành</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		46,56	46,03	49,04	79,93	69,8
3	<i>Chưa hoàn thành</i> <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		0,44	0,13	0	0,07	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>		98,02%				
a	<i>Trong đó:</i>		60,15%				

	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	16/21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9566	5,2
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1316	0,7
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	16	45
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	66
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	68
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	55
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	83
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	83
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		5/5
1.2	Khối lớp 2		5/5

1.3	Khối lớp 3		6/6
1.4	Khối lớp 4		5/5
1.5	Khối lớp 5		3/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	1 (130)
XI	Nhà ăn	1 (329)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		7		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 08

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung,

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2020 - 2021**

[illegible]

7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	...														

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đúng tuyển	Đúng tuyển	Đúng tuyển	Đúng tuyển
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp	Có Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn.	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn	Thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy học, ứng dụng cntt vào dạy học, có đồ dùng dạy học cho các môn
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	296	251	234	136
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	296	251	234	136

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	917	296	251	234	136
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		94	93	98	90
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		6	7	2	10
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0			

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0			
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		23.19	21.74	20.44	17.65
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		25.36	31.62	36.5	42.16
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		35.87	34.39	37.96	38.24
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		14.49	10.67	5.11	1.96
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		1.09	1.58	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	95%				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25.29%				
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	28.53%				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3.89				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.91				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	9%				

	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	3				
2	Cấp tỉnh/thành phố	1				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	102				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	102				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17.6				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42.2				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	38.2				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	374/393	135/141	116/136	65/62	48/54
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	86				

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Lúi

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	0.8
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	7	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.3	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42.6	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9566	5,2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1316	0,7
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	630	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1136	
3	Diện tích thư viện (m ²)	66	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	68	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp...		
1.2	Khối lớp...		
1.3	Khối lớp...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (130)
XI	Nhà ăn	1 (329)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		7		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui

Biểu mẫu 12

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Trường TH - THCS Tân Trung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021

[illegible]

1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

Củ Chi, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dui